

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: SƯ PHẠM NGỮ VĂN

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: NGỮ DỤNG HỌC

(LINGUISTIC PRAGMATICS)

Mã số: VANGDU.023

2. Số tín chỉ: 02

3. Đối tượng: Sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn; hệ chính quy

4. Phân bổ thời gian

Tên đơn vị tín chỉ	Phân bổ số tiết				Tổng
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thực tập	
1	10	5	0	0	15
2	10	5	0	0	15

5. Điều kiện tiên quyết

Dẫn luận ngôn ngữ học.

6. Mục tiêu học phần

- *Kiến thức:*

Hiểu được các kiến thức cơ bản về bình diện dụng học của ngôn ngữ như: chiếu vật chỉ xuất, lập luận và hội thoại, lý thuyết giao tiếp và nghĩa tường minh - hàm ẩn...

- *Kỹ năng:*

Áp dụng được kiến thức cơ bản đã học vào việc nhận diện, phân tích và sử dụng các đơn vị tiếng Việt đúng giá trị ngữ dụng trong hành chức.

- *Thái độ và mục tiêu khác:*

Phát triển thái độ trung thực, cẩn thận trong học tập trên lớp, bài tập ở nhà, thảo luận nhóm; tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức ngành. Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong lựa chọn, sử dụng tiếng Việt đúng mục đích đạt hiệu quả giao tiếp cao nhất.

- *Đáp ứng chuẩn đầu ra:*

Học phần này cung cấp cho sinh viên tri thức về ngữ dụng học tiếng Việt, từ đó sinh viên có thể vận dụng chúng vào việc giảng dạy các nội dung có liên quan ở chương trình Ngữ văn ở phổ thông.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu khái quát những kiến thức cơ bản về dụng học như chiếu vật chỉ xuất, lập luận và hội thoại, lý thuyết giao tiếp và nghĩa tường minh - hàm ẩn...

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Đề hoàn thành học phần *Ngữ dụng học*, sinh viên cần thực hiện:

- Nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, đề xuất khi nghe giảng.

- Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên.

- Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận, làm bài tập dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên.

- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ

chuẩn bị cá nhân.

9. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính:

[1]. Đỗ Hữu Châu (2007), *Giáo trình Ngữ dụng học*, NXB ĐHSP

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Đỗ Hữu Châu (1995), *Giáo trình giản yếu về ngữ dụng học*, NXB ĐHSP

[3]. Nguyễn Thiện Giáp (2001), *Dụng học Việt ngữ*, NXB ĐHQGHN

[4]. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, NXB Giáo dục

[5]. Trương Thị Nhân (2007), *Bài tập thực hành Ngữ dụng học*, NXB ĐHSP

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Mô tả tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên được thực hiện theo Điều 22, Điều 23 Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57 và Quy định đào tạo tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1158/2011/QĐ-ĐHQB, ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

Điểm học phần được xác định dựa trên kết quả học tập toàn diện của SV trong suốt học kỳ đối với học phần đó thông qua các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Tinh thần thái độ trong lên lớp, thảo luận và kết quả của bài thu hoạch, kiểm tra thường xuyên, thi học phần, ...).

- Quy định các hình thức kiểm tra, thi:

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Phương pháp đánh giá	Ghi chú
<i>Chuyên cần, thái độ</i>			
1	- Tham gia trên lớp: 75% thời gian qui định - Chuẩn bị bài ở nhà tốt - Tích cực xây dựng bài trên lớp	Điểm danh, quan sát	Theo cá nhân
<i>Kiểm tra thường xuyên</i>			
2	Bài tập - Phân tích các biểu thức ngữ vi - Phân tích hội thoại trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và nghệ thuật - Phân tích nghĩa hàm ẩn trong giao tiếp đời thường và văn học	Chấm điểm theo cá nhân, nhóm	Theo cá nhân/nhóm
3	Bài kiểm tra	Viết, làm bài tập thực hành, báo cáo	Theo cá nhân/nhóm
<i>Các bài thi</i>			
3	Thi kết thúc học phần hoặc hình thức thay thế	Viết hoặc tiểu luận	Theo cá nhân

11. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Điều 22, Điều 23 Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57 và Thông tư 57 và Quy định

đào tạo tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1158/2011/QĐ-ĐHQB, ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm đánh giá thành phần và điểm thi học phần, theo trọng số tương ứng ở bảng sau:

Nội dung	Chuyên cần, thái độ	Kiểm tra thường xuyên	Thi kết thúc học phần
Trọng số	5%	25%	70%

12. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ NGỮ DỤNG HỌC (3 tiết)

- 1.1 Cơ sở hình thành ngữ dụng học
- 1.2 Khái niệm ngữ dụng học
- 1.3 Đối tượng nghiên cứu của ngữ dụng học

CHƯƠNG 2: CHIẾU VẬT VÀ CHỈ XUẤT (3 tiết)

- 2.1 Chiếu vật
- 2.2 Chỉ xuất

CHƯƠNG 3: HÀNH VI NGÔN NGỮ (6 tiết)

- 3.1 Khái niệm
- 3.2 Phát ngôn ngữ vi, biểu thức ngữ vi
- 3.3 Động từ ngữ vi
- 3.4 Điều kiện sử dụng các hành vi ở lời
- 3.5 Phân loại các hành vi ngôn ngữ
- 3.6 Bài tập phân tích các biểu thức ngữ vi trong ngữ liệu
- 3.7 Kiểm tra

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT LẬP LUẬN (6 tiết)

- 4.1 Khái niệm lập luận
- 4.2 Đặc trưng của lập luận
- 4.3 Các chỉ dẫn lập luận
- 4.4 Lễ thường – cơ sở của lập luận

CHƯƠNG 5: LÝ THUYẾT HỘI THOẠI (6 tiết)

- 5.1 Vận động hội thoại
- 5.2 Các quy tắc hội thoại
- 5.3 Thương lượng hội thoại
- 5.4 Cấu trúc hội thoại
- 5.5 Phân tích hội thoại trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và nghệ thuật

CHƯƠNG 6: NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN (6 tiết)

- 6.1 Khái niệm
- 6.2 Phân loại nghĩa hàm ẩn
- 6.3 Cơ chế tạo ra nghĩa hàm ẩn
- 6.4 Bài tập phân tích nghĩa hàm ẩn trong giao tiếp đời thường và văn học
- 6.5 Kiểm tra

Quảng Bình, ngày tháng 01 năm 2016
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Hoàng Dương Hùng